

THÔNG BÁO

Lịch giảng - lịch thi hệ đại học chính quy Khóa 37, 38, 39
học kỳ 1 (2024 - 2025)

- HK1 bắt đầu từ tuần 1: Thứ Tư ngày 04/9/2024

- Ngày nghỉ trong học kỳ:

+ Thứ 7 tuần 5, thứ 7 tuần 17: Sinh hoạt lớp

+ Tuần 11: thi KTHP đợt 1 Khóa 37,38,39

+ Tuần 20: thi KTHP Khóa 40

+ Tuần 2 HK2: thi KTHP Khóa 37,38,39

+ Thứ 7, Chủ nhật tuần 4,6: Thi TA, TH đầu khóa K40

+ Thứ 4 tuần 12: Nghi - Ngày Nhà giáo Việt Nam

+ Thứ 4 tuần 18: Nghi - Tết Dương lịch

+ Sáng Chủ nhật tuần 14: Nghi - Hội nghị GV cổ vấn

Giờ học bắt đầu và kết thúc:

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)

Sáng

Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15

Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)

Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05

Chiều

Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15

Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)

Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05

Ca thi - Giờ thi:

Ca 1:	7g00	Ca S1:	7g00	Ca C1:	13g00
Ca 2:	9g30	Ca S2:	8g30	Ca C2:	14g30
Ca 3:	13g00	Ca S3:	10g00	Ca C3:	16g00
Ca 4:	15g30			Ca 5:	18g00

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
1	ITS307_241_1_D01	An toàn bảo mật thông tin	3	60	S	6 4	12-20 17,19-20	C201	TĐ	HTTTQL	17/02/2025	S1		TĐ	39	HTTTQL
2	ITS307_241_1_D02	An toàn bảo mật thông tin	3	60	C	6 4	12-20 17,19-20	C305	TĐ	HTTTQL	17/02/2025	S1		TĐ	39	HTTTQL
3	FIN312_241_1_D01	Bảo hiểm	3	45	S	2	2-10	A008	TĐ	TC	12/11/2024	4		TĐ	38	TCNH
4	FIN312_241_1_D02	Bảo hiểm	3	45	S	4	1-9	A006	TĐ	TC	12/11/2024	4		TĐ	37	KTQT
5	FIN312_241_1_D03	Bảo hiểm	3	45	S	2	12-20	A005	TĐ	TC	20/02/2025	1		TĐ	38	TCNH
6	ENB320_241_1_D01	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	S	7 3	12-16,18-20 20	A004	TĐ	NN	19/02/2025	3		TĐ	38	NNA
7	ENB320_241_1_D02	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	C	7 3	12-16,18-20 20	A004	TĐ	NN	19/02/2025	3		TĐ	38	NNA
8	ENB320_241_1_D03	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	S	6	12-20	A007	TĐ	NN	19/02/2025	3		TĐ	38	NNA
9	ENB320_241_1_D04	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	C	6	12-20	A002	TĐ	NN	19/02/2025	3		TĐ	38	NNA
10	ENB320_241_1_D05	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	S	5	12-20	A004	TĐ	NN	19/02/2025	4		TĐ	38	NNA
11	ENB320_241_1_D06	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	C	5	12-20	A003	TĐ	NN	19/02/2025	4		TĐ	38	NNA

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
12	ENB320_241_1_D07	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	S	2	12-20	A006	TĐ	NN	19/02/2025	4		TĐ	38	NNA
13	ENB320_241_1_D08	Biên dịch thương mại Anh - Việt	3	45	C	2	12-20	A005	TĐ	NN	19/02/2025	4		TĐ	38	NNA
14	INB713_241_1_D01	Các mô hình kinh doanh số	3	45	C	5	1-9	A101	TĐ	KTQT	12/11/2024	1		TĐ	38	KTQT
15	INE310_241_1_D01	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	45	C	3	12-20	A005	TĐ	KTQT	17/02/2025	2		TĐ	38	KTQT
16	LOG701_241_1_D01	Chiến lược quản trị chuỗi cung ứng	3	45	C	2	2-10	A005	TĐ	QTKD	12/11/2024	4		TĐ	38	QTKD
17	DAT701_241_1_D01	Chuỗi khối	3	45	C	6	1-9	A005	TĐ	KHDLTKD	14/11/2024	3		TĐ	38	HTTTQL
18	DAT701_241_1_D02	Chuỗi khối	3	45	S	3	2-10	A102	TĐ	KHDLTKD	14/11/2024	3		TĐ	37	HTTTQL
19	DAT723_241_1_D01	Chuỗi khối cho hoạt động kinh doanh ngân hàng	2	30	S	2	2-7	A001	TĐ	KHDLTKD	11/11/2024	3		TĐ	38	TCNH
20	DAT723_241_1_D02	Chuỗi khối cho hoạt động kinh doanh ngân hàng	2	30	C	2	2-7	A001	TĐ	KHDLTKD	11/11/2024	3		TĐ	38	TCNH
21	ITS701_241_1_D01	Chuyển đổi kinh doanh số	3	45	S	5	1-9	A102	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	1	Đào tạo ca Học	TĐ	37	HTTTQL
22	INB714_241_1_D01	Chuyển đổi số	3	45	S	5	1-9	A103	TĐ	KTQT	14/11/2024	3		TĐ	38	KTQT
23	ITS318_241_1_D01	Cơ sở lập trình	3	60	S	2 4	2-9 1-4	C301	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C1		TĐ	39	HTTTQL
24	ITS318_241_1_D02	Cơ sở lập trình	3	60	C	2 4	2-9 1-4	C205	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C1		TĐ	39	HTTTQL
25	ITS318_241_1_D03	Cơ sở lập trình	3	60	S	3 5	2-9 1-4	C205	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C1		TĐ	39	KT
26	ITS318_241_1_D04	Cơ sở lập trình	3	60	C	3 5	2-9 1-4	C205	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C1		TĐ	39	KT
27	ITS318_241_1_D05	Cơ sở lập trình	3	60	S	6 3	1-9 6-8	C305	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C2		TĐ	39	HTTTQL
28	ITS318_241_1_D06	Cơ sở lập trình	3	60	C S	6 4	1-9 6-8	C301 C305	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	C2		TĐ	39	HTTTQL
29	LAW333_241_1_D01	Công pháp quốc tế	2	30	S	7	2-4,6-8	A001	TĐ	LKT	11/11/2024	1		TĐ	39	LKT
30	LAW333_241_1_D02	Công pháp quốc tế	2	30	C	7	2-4,6-8	A001	TĐ	LKT	11/11/2024	1		TĐ	39	LKT
31	LAW333_241_1_D03	Công pháp quốc tế	2	30	C	4	13-17,19	A001	TĐ	LKT	17/02/2025	1		TĐ	39	LKT
32	LAW333_241_1_D04	Công pháp quốc tế	2	30	S	5	12-17	A001	TĐ	LKT	17/02/2025	1		TĐ	39	LKT
33	ITS315_241_1_D01	Core Banking và ngân hàng điện tử	3	60	C	3 6	2-9 1-4	C201	TĐ	HTTTQL	15/11/2024	S3		TĐ	37	HTTTQL
34	ITS315_241_1_D02	Core Banking và Ngân hàng điện tử	3	60	S	2 4	12-20 17,19-20	C205	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	C2		TĐ	38	TCNH
35	ITS319_241_1_D01	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	2	45	S	4	1-9	C203	TĐ	HTTTQL	12/11/2024	3		TĐ	38	HTTTQL
36	ITS319_241_1_D02	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	2	45	C	4	1-9	C305	TĐ	HTTTQL	12/11/2024	3		TĐ	38	HTTTQL

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
37	MAG318_241_1_D01	Đảm phán kinh doanh quốc tế	3	45	S	2	2-10	A101	TĐ	QTKD	14/11/2024	4		TĐ	38	KTQT
38	MAG702_241_1_D01	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	S	2	12-20	A007	TĐ	QTKD	18/02/2025	S2	KHAC CA K	TĐ	39	QTKD
39	MAG702_241_1_D02	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	C	2	12-20	A006	TĐ	QTKD	17/02/2025	C2		TĐ	39	QTKD
40	INE311_241_1_D01	Đầu tư quốc tế	3	45	S	2	12-20	A008	TĐ	KTQT	21/02/2025	3		TĐ	38	KTQT
41	FIN309_241_1_D01	Đầu tư tài chính	3	45	C	2	2-10	A006	TĐ	TC	12/11/2024	2		TĐ	38	TCNH
42	FIN309_241_1_D02	Đầu tư tài chính	3	45	S	2	2-10	A102	TĐ	TC	12/11/2024	2		TĐ	38	TCNH
43	FIN309_241_1_D03	Đầu tư tài chính	3	45	C	3 7	2-9 9	A207	TĐ	TC	12/11/2024	2		TĐ	38	TCNH
44	FIN309_241_1_D04	Đầu tư tài chính	3	45	C	2	12-20	A007	TĐ	TC	18/02/2025	3		TĐ	38	TCNH
45	FIN705_241_1_D01	Định phí bảo hiểm	3	45	C	2	2-10	A007	TĐ	TC	11/11/2024	4		TĐ	37	TCNH
46	ITS727_241_1_D01	Đồ án chuyên ngành HTTT kinh doanh và chuyển đổi số	3				4-13		TĐ	HTTTQL				TĐ	37	HTTTQL
47	ITS703_241_1_D01	Đồ án chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử	3				4-13		TĐ	HTTTQL				TĐ	37	HTTTQL
48	INB712_241_1_D01	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45	C	6	1-9	A006	TĐ	KTQT	15/11/2024	2		TĐ	38	KTQT
49	INB712_241_1_D02	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45	S	6	1-9	A005	TĐ	KTQT	15/11/2024	2		TĐ	38	KTQT
50	INB712_241_1_D03	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45	C	3 7	2-9 9	A208	TĐ	KTQT	15/11/2024	2		TĐ	38	KTQT
51	ENP715_241_1_D01	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh	3	45	S	2	2-10	A103	TĐ	NN	12/11/2024	1		TĐ	37	NNA
52	ENP715_241_1_D02	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh	3	45	C	3	2-10	A103	TĐ	NN	12/11/2024	1		TĐ	37	NNA
53	ENP715_241_1_D03	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh	3	45	C	5	1-9	A102	TĐ	NN	12/11/2024	2		TĐ	37	NNA
54	ENP715_241_1_D04	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh	3	45	S	6	1-9	A006	TĐ	NN	12/11/2024	2		TĐ	37	NNA
55	BAF702_241_1_D01	Giới thiệu ngành Công nghệ tài chính	2	30	S	6	1-6	A001	TĐ	NH	12/11/2024	2		TĐ	39	TCNH
56	BAF702_241_1_D02	Giới thiệu ngành Công nghệ tài chính	2	30	C	6	1-6	A001	TĐ	NH	12/11/2024	2		TĐ	39	TCNH
57	BAF309_241_1_D01	Giới thiệu ngành Ngân hàng	2	30	S	3	2-7	A001	TĐ	NH	13/11/2024	3		TĐ	39	TCNH
58	BAF309_241_1_D02	Giới thiệu ngành Ngân hàng	2	30	C	3	2-7	A001	TĐ	NH	13/11/2024	3		TĐ	39	TCNH
59	FIN313_241_1_D01	Giới thiệu ngành Tài chính	2	30	S	3	2-7	A002	TĐ	TC	13/11/2024	4	haác ca KTC	TĐ	39	TCNH
60	FIN313_241_1_D02	Giới thiệu ngành Tài chính	2	30	C	3	2-7	A002	TĐ	TC	13/11/2024	4	haác ca KTC	TĐ	39	TCNH
61	FIN313_241_1_D03	Giới thiệu ngành Tài chính	2	30	S	4	1-6	A001	TĐ	TC	13/11/2024	4		TĐ	39	TCNH

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
62	FIN313_241_1_D04	Giới thiệu ngành Tài chính	2	30	S	4	13-17,19	A008	TĐ	TC	17/02/2025	3		TĐ	39	TCNH
63	MKE302_241_1_D01	Hành vi khách hàng	3	45	C	3 7	2-9 9	A301	TĐ	QTKD	16/11/2024	S2		TĐ	38	QTKD
64	MG013_2_241_1_D01	Hành vi tổ chức	3	45	C	5	12-20	A004	TĐ	QTKD	17/02/2025	4		TĐ	38	QTKD
65	ITS704_241_1_D01	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	S	5 3	1-9 2-4	C305	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	S1		TĐ	38	HTTTQL
66	ITS704_241_1_D02	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	C	5 7	1-9 7-9	C201	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	S1		TĐ	38	HTTTQL
67	ITS704_241_1_D03	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	S	6 3	1-9 6-8	C201	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	S1		TĐ	38	HTTTQL
68	ITS704_241_1_D04	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	S	3 5	12-20 12-14	C301	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	S1		TĐ	38	HTTTQL
69	ITS704_241_1_D05	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	C	3 5	12-20 12-14	C301	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	S1		TĐ	38	HTTTQL
70	ITS704_241_1_D06	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	60	C	2 4	12-20 17,19-20	C301	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	S1		TĐ	38	HTTTQL
71	ITS322_241_1_D01	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	S	2 4	2-9 1-4	C305	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	S2		TĐ	39	HTTTQL
72	ITS322_241_1_D02	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	C	2 4	2-9 1-4	C201	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	S2		TĐ	39	HTTTQL
73	ACC701_241_1_D01	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	45	C	2	2-10	A101	TĐ	KTKT	11/11/2024	2		TĐ	37	KT
74	ITS304_241_1_D01	Hệ thống thông tin quản lý	3	45	C	2	2-10	A008	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	S3		TĐ	38	QTKD
75	ENP705_241_1_D01	Hình thái - cú pháp học	3	45	C	4	1-9	A006	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	38	NNA
76	ENP705_241_1_D02	Hình thái - cú pháp học	3	45	S	6	1-9	A007	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	38	NNA
77	ENP705_241_1_D03	Hình thái - cú pháp học	3	45	C	2	2-10	A102	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	38	NNA
78	ENP705_241_1_D04	Hình thái - cú pháp học	3	45	S	2	2-10	A104	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	38	NNA
79	ENP705_241_1_D05	Hình thái - cú pháp học	3	45	C	5	1-9	A103	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	38	NNA
80	ENP705_241_1_D06	Hình thái - cú pháp học	3	45	S	5	1-9	A104	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	38	NNA
81	ENP705_241_1_D07	Hình thái - cú pháp học	3	45	S	5	12-20	A005	TĐ	NN	18/02/2025	2		TĐ	38	NNA
82	ENP705_241_1_D08	Hình thái - cú pháp học	3	45	C	5	12-20	A005	TĐ	NN	18/02/2025	2		TĐ	38	NNA
83	BAF301_241_1_D01	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	45	S	5	1-9	A105	TĐ	NH	15/11/2024	S3		TĐ	38	LKT
84	BAF301_241_1_D02	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	45	C	5	1-9	A307	TĐ	NH	16/11/2024	5		TĐ	38	HTTTQL
85	BAF301_241_1_D03	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	45	C	2	2-10	A302	TĐ	NH	16/11/2024	5		TĐ	38	HTTTQL
86	DAT704_241_1_D01	Học máy	3	45	C	2	2-10	A103	TĐ	KHDLTKD	11/11/2024	4		TĐ	37	HTTTQL

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
87	DAT704_241_1_D02	Học máy	3	45	S	5	12-20	A006	TĐ	KHDLTKD	20/02/2025	3		TĐ	38	TCNH
88	DAT704_241_1_D03	Học máy	3	45	C	5	12-20	A006	TĐ	KHDLTKD	20/02/2025	3		TĐ	38	TCNH
89	DAT704_241_1_D04	Học máy	3	45	S	7 3	12-16,18-20 14	A203	TĐ	KHDLTKD	20/02/2025	4		TĐ	38	HTTTQL
90	GYM303_241_1_BB1_D29	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	2	2-7 8-9,12-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
91	GYM303_241_1_BB1_D30	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	2	2-7 8-9,12-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
92	GYM303_241_1_BB1_D31	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	4	1-6 7-9,13-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
93	GYM303_241_1_BB1_D32	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	4	1-6 7-9,13-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
94	GYM303_241_1_BB1_D33	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	5	1-6 7-9,12-14	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
95	GYM303_241_1_BB1_D34	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	5	1-6 7-9,12-14	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
96	GYM303_241_1_BC1_D01	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	2	2-7 8-9,12-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
97	GYM303_241_1_BC1_D02	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	2	2-7 8-9,12-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
99	GYM303_241_1_BC1_D03	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	3	2-7 8-9,12-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
100	GYM303_241_1_BC1_D04	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	3	2-7 8-9,12-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
101	GYM303_241_1_BC1_D05	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	4	1-6 7-9,13-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
102	GYM303_241_1_BC1_D06	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	4	1-6 7-9,13-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
103	GYM303_241_1_BC1_D07	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
104	GYM303_241_1_BC1_D08	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
105	GYM303_241_1_BC1_D09	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
106	GYM303_241_1_BC1_D10	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
107	GYM303_241_1_BC1_D11	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
108	GYM303_241_1_BC1_D12	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
109	GYM303_241_1_BC1_D13	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	3		TĐ	39	CHUNG
110	GYM303_241_1_BC1_D14	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	4		TĐ	39	CHUNG
111	GYM303_241_1_BD1_D35	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	3	2-7 8-9,12-15	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
112	GYM303_241_1_BD1_D36	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	3	2-7 8-9,12-15	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
113	GYM303_241_1_BD1_D37	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	6	1-6 7-9,12-14	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
114	GYM303_241_1_BD1_D38	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	6	1-6 7-9,12-14	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
115	GYM303_241_1_BD1_D39	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	1		TĐ	39	CHUNG
116	GYM303_241_1_CL1_D15	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	4	1-6 7-9,13-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
117	GYM303_241_1_CL1_D16	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	4	1-6 7-9,13-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
118	GYM303_241_1_CL1_D17	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	5	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
120	GYM303_241_1_CL1_D18	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	5	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
121	GYM303_241_1_CL1_D19	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	6	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
122	GYM303_241_1_CL1_D20	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	6	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
123	GYM303_241_1_CL1_D21	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
124	GYM303_241_1_CL1_D22	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
125	GYM303_241_1_CL1_D23	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
126	GYM303_241_1_CL1_D24	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
127	GYM303_241_1_CL1_D25	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	1		TĐ	39	CHUNG
128	GYM303_241_1_CL1_D26	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	2		TĐ	39	CHUNG
129	GYM303_241_1_CL1_D27	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
130	GYM303_241_1_CL1_D28	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
131	GYM303_241_1_KR1_D40	Học phần GDTC 3	1	30	1-3 4-5	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	1		TĐ	39	CHUNG
132	GYM303_241_1_KR1_D41	Học phần GDTC 3	1	30	4-5 1-3	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	2		TĐ	39	CHUNG
133	GYM303_241_1_KR1_D42	Học phần GDTC 3	1	30	6-8 9-10	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	3		TĐ	39	CHUNG
134	GYM303_241_1_KR1_D43	Học phần GDTC 3	1	30	9-10 6-8	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	4		TĐ	39	CHUNG
135	GYM305_241_1_BB3_D25	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	4	1-6 7-9,13-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	3		TĐ	38	
136	GYM305_241_1_BB3_D26	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	4	1-6 7-9,13-15	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	4		TĐ	38	
137	GYM305_241_1_BB3_D27	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	5	1-6 7-9,12-14	Nhà tập BB	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	3		TĐ	38	
138	GYM305_241_1_BC3_D01	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	4	1-6 7-9,13-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	3		TĐ	38	

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
139	GYM305_241_1_BC3_D02	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	4	1-6 7-9,13-15	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	4		TĐ	38	
140	GYM305_241_1_BC3_D03	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	1		TĐ	38	
141	GYM305_241_1_BC3_D04	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	2		TĐ	38	
142	GYM305_241_1_BC3_D05	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	1		TĐ	38	
143	GYM305_241_1_BC3_D06	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	6	1-6 7-9,12-14	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	2		TĐ	38	
144	GYM305_241_1_BC3_D07	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	1		TĐ	38	
145	GYM305_241_1_BC3_D08	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GD C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	2		TĐ	38	
146	GYM305_241_1_BD3_D28	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	3	2-7 8-9,12-15	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	1		TĐ	38	
147	GYM305_241_1_BD3_D29	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	3	2-7 8-9,12-15	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	2		TĐ	38	
148	GYM305_241_1_BD3_D30	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	6	1-6 7-9,12-14	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	3		TĐ	38	
149	GYM305_241_1_BD3_D31	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	6	1-6 7-9,12-14	Sân BD	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	4		TĐ	38	
150	GYM305_241_1_CL3_D09	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	1		TĐ	38	
151	GYM305_241_1_CL3_D10	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	2	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	16/12/2024	2		TĐ	38	
152	GYM305_241_1_CL3_D11	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	3		TĐ	38	
153	GYM305_241_1_CL3_D12	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	4		TĐ	38	
154	GYM305_241_1_CL3_D13	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	1		TĐ	38	
155	GYM305_241_1_CL3_D14	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	3	2-7 8-9,12-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	17/12/2024	2		TĐ	38	
156	GYM305_241_1_CL3_D15	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	4	1-6 7-9,13-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	1		TĐ	38	
157	GYM305_241_1_CL3_D16	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	4	1-6 7-9,13-15	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	18/12/2024	2		TĐ	38	
158	GYM305_241_1_CL3_D17	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	5	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	3		TĐ	38	
159	GYM305_241_1_CL3_D18	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	5	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	4		TĐ	38	
160	GYM305_241_1_CL3_D19	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	6	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	3		TĐ	38	
161	GYM305_241_1_CL3_D20	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	6	1-6 7-9,12-14	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	20/12/2024	4		TĐ	38	
162	GYM305_241_1_CL3_D21	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	7	2-4,6-8 9,12-16	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	3		TĐ	38	
163	GYM305_241_1_CL3_D22	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	7	2-4,6-8 9,12-16	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	4		TĐ	38	

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
164	GYM305_241_1_CL3_D23	Học phần GDTC 5	1	30	1-3 4-5	7	2-4,6-8 9,12-16	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	1		TĐ	38	
165	GYM305_241_1_CL3_D24	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	7	2-4,6-8 9,12-16	Nhà thi đấu	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	2		TĐ	38	
166	GYM305_241_1_KR3_D32	Học phần GDTC 5	1	30	6-8 9-10	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GH C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	3		TĐ	38	
167	GYM305_241_1_KR3_D33	Học phần GDTC 5	1	30	9-10 6-8	5	1-6 7-9,12-14	Sân trước GH C	TĐ	GDTC&QP	19/12/2024	4		TĐ	38	
168	GYM305_241_1_KR3_D34	Học phần GDTC 5	1	30	4-5 1-3	7	2-4,6-8 9,12-16	Sân trước GH C	TĐ	GDTC&QP	04/01/2025	2		TĐ	38	
169	ACC702_241_1_D01	Kế toán Chi phí	3	45	S	4	1-9	A007	TĐ	KTKT	16/11/2024	1		TĐ	38	KT
170	ACC702_241_1_D02	Kế toán Chi phí	3	45	C	4	1-9	A007	TĐ	KTKT	16/11/2024	1		TĐ	38	KT
171	ACC306_241_1_D01	Kế toán ngân hàng	3	45	S	6	1-9	A008	TĐ	KTKT	11/11/2024	S1		TĐ	38	KT
172	ACC306_241_1_D02	Kế toán ngân hàng	3	45	C	6	1-9	A007	TĐ	KTKT	11/11/2024	S1		TĐ	38	KT
173	ACC306_241_1_D03	Kế toán ngân hàng	3	45	S	3	12-20	A007	TĐ	KTKT	18/02/2025	C3		TĐ	38	TCNH
174	ACC306_241_1_D04	Kế toán ngân hàng	3	45	C	3	12-20	A006	TĐ	KTKT	18/02/2025	C3		TĐ	38	TCNH
175	ACC703_241_1_D01	Kế toán Ngân hàng nâng cao	3	45	S	3	2-10	A103	TĐ	KTKT	12/11/2024	3		TĐ	37	KT
176	ACC307_241_1_D01	Kế toán quản trị	3	45	S	4 6	13-17,19-20 19-20	A001	TĐ	KTKT	20/02/2025	S2		TĐ	38	QTKD
177	ACC315_241_1_D01	Kế toán quản trị 1	3	45	C	5	12-20	A007	TĐ	KTKT	20/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
178	ACC308_241_1_D01	Kế toán quốc tế	3	45	S	4 6	13-17,19-20 19-20	A002	TĐ	KTKT	17/02/2025	2		TĐ	38	KT
179	ACC308_241_1_D02	Kế toán quốc tế	3	45	C	4 6	13-17,19-20 19-20	A005	TĐ	KTKT	17/02/2025	2		TĐ	38	KT
180	ACC704_241_1_D01	Kế toán quốc tế nâng cao	3	45	C	5	1-9	A104	TĐ	KTKT	12/11/2024	4	khac ca KTN	TĐ	37	KT
181	ACC705_241_1_D01	Kế toán tài chính	3	45	S	2	2-10	A105	TĐ	KTKT	11/11/2024	1		TĐ	39	KT
182	ACC705_241_1_D02	Kế toán tài chính	3	45	C	2	2-10	A104	TĐ	KTKT	11/11/2024	1		TĐ	39	KT
183	ACC705_241_1_D03	Kế toán tài chính	3	45	S	3 7	2-9 9	A206	TĐ	KTKT	11/11/2024	1		TĐ	39	TCNH
184	ACC705_241_1_D04	Kế toán tài chính	3	45	C	3 7	2-9 9	A302	TĐ	KTKT	11/11/2024	2		TĐ	39	TCNH
185	ACC705_241_1_D05	Kế toán tài chính	3	45	S	4	1-9	A008	TĐ	KTKT	11/11/2024	2		TĐ	39	TCNH
186	ACC705_241_1_D06	Kế toán tài chính	3	45	S	6	12-20	A008	TĐ	KTKT	18/02/2025	3		TĐ	39	QTKD
187	ACC705_241_1_D07	Kế toán tài chính	3	45	C	6	12-20	A003	TĐ	KTKT	18/02/2025	3		TĐ	39	QTKD
188	ACC705_241_1_D08	Kế toán tài chính	3	45	S	7 3	12-16,18-20 14	A204	TĐ	KTKT	18/02/2025	4		TĐ	39	QTKD

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
189	ACC705_241_1_D09	Kế toán tài chính	3	45	C	7 3	12-16,18-20 14	A203	TĐ	KTKT	18/02/2025	4		TĐ	39	TCNH
190	ACC707_241_1_D01	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	C	6	1-9	A008	TĐ	KTKT	13/11/2024	S2		TĐ	38	KT
191	ACC707_241_1_D02	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	S	6	1-9	A101	TĐ	KTKT	13/11/2024	S2		TĐ	38	KT
192	ACC706_241_1_D01	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	S	2	12-20	A101	TĐ	KTKT	21/02/2025	S2		TĐ	38	KT
193	ACC706_241_1_D02	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	C	2	12-20	A008	TĐ	KTKT	21/02/2025	S2		TĐ	38	KT
194	ITS324_241_1_D01	Khai phá dữ liệu	3	60	S	2 4	12-20 17,19-20	C301	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	1		TĐ	38	TCNH
195	ITS324_241_1_D02	Khai phá dữ liệu	3	60	C	2 4	12-20 17,19-20	C201	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	1		TĐ	38	TCNH
196	ITS324_241_1_D03	Khai phá dữ liệu	3	60	S	6 4	12-20 13-15	C305	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	1	AC CA KHC	TĐ	38	HTTTQL
197	LOG702_241_1_D01	Kho bãi và kênh phân phối	3	45	C	3	12-20	A007	TĐ	QTKD	18/02/2025	3		TĐ	38	QTKD
198	ITS718_241_1_D01	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	60	C	6 4	12-20 13-15	C201	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	C2		TĐ	38	HTTTQL
199	DIM703_241_1_D01	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	S	3 7	2-9 9	A207	TĐ	QTKD	15/11/2024	2		TĐ	38	KT
200	DIM703_241_1_D02	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	C	3 7	2-9 9	A303	TĐ	QTKD	15/11/2024	2		TĐ	38	KT
201	DIM703_241_1_D03	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	S	4	1-9	A101	TĐ	QTKD	15/11/2024	2		TĐ	38	QTKD
202	DIM703_241_1_D04	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	C	4	1-9	A008	TĐ	QTKD	15/11/2024	1		TĐ	38	TCNH
203	DIM703_241_1_D05	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	C	2	2-10	A105	TĐ	QTKD	15/11/2024	1		TĐ	37	QTKD
204	DIM703_241_1_D06	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	45	S	6	1-9	A102	TĐ	QTKD	15/11/2024	1		TĐ	37	TCNH
205	AUD302_241_1_D01	Kiểm soát nội bộ	3	45	S	4	1-9	A102	TĐ	KTKT	15/11/2024	S2		TĐ	37	KT
206	ITS323_241_1_D01	Kiểm toán & kiểm soát hệ thống thông tin	2	45	S	6	12-20	C205	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	1		TĐ	38	HTTTQL
207	ITS323_241_1_D02	Kiểm toán & kiểm soát hệ thống thông tin	2	45	C	6	12-20	C301	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	1		TĐ	38	HTTTQL
208	AUD301_241_1_D01	Kiểm toán căn bản	3	45	S	2	12-20	A103	TĐ	KTKT	20/02/2025	S3		TĐ	39	KT
209	AUD301_241_1_D02	Kiểm toán căn bản	3	45	C	2	12-20	A101	TĐ	KTKT	20/02/2025	S3		TĐ	39	KT
210	BAF302_241_1_D01	Kinh doanh ngoại hối	3	45	C	3 5	2-9 1	A201	TĐ	NH	11/11/2024	4		TĐ	38	TCNH
211	BAF302_241_1_D02	Kinh doanh ngoại hối	3	45	S	3 5	2-9 1	A108	TĐ	NH	11/11/2024	4		TĐ	38	TCNH
212	INE306_241_1_D01	Kinh doanh quốc tế	3	45	S	4	1-9	A103	TĐ	KTQT	15/11/2024	1		TĐ	38	KTQT
213	INE306_241_1_D02	Kinh doanh quốc tế	3	45	S	2	2-10	A304	TĐ	KTQT	15/11/2024	1		TĐ	38	KTQT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
214	MLM307_241_1_D01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	6	1-6	A002	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S1		TĐ	39	QTKD
215	MLM307_241_1_D02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	6	1-6	A002	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S1		TĐ	39	HTTTQL
216	MLM307_241_1_D03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	5	1-6	A001	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S1		TĐ	39	HTTTQL
217	MLM307_241_1_D04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	5	1-6	A001	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S2		TĐ	39	KTQT
218	MLM307_241_1_D05	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	4	1-6	A002	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S2		TĐ	39	KTQT
219	MLM307_241_1_D06	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	4	1-6	A001	TĐ	KHXXH	12/11/2024	S2		TĐ	39	KTQT
220	MLM307_241_1_D07	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	3	2-7	A003	TĐ	KHXXH	12/11/2024	C1		TĐ	39	KT
221	MLM307_241_1_D08	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	7	2-4,6-8	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C1		TĐ	39	KT
222	MLM307_241_1_D09	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	2	2-7	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C1		TĐ	39	KTQT
223	MLM307_241_1_D10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	7	2-4,6-8	A003	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C1		TĐ	39	LKT
224	MLM307_241_1_D11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	7	2-4,6-8	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C2		TĐ	39	LKT
225	MLM307_241_1_D12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	5	1-6	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C2	KHÁC CA K	TĐ	39	QTKD
226	MLM307_241_1_D13	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	5	1-6	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C2	khác ca KTL	TĐ	39	QTKD
227	MLM307_241_1_D14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	4	1-6	A002	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C3	khác ca đọc	TĐ	39	NNA
228	MLM307_241_1_D15	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	4	1-6	A003	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C3	khác ca KNT	TĐ	39	NNA
229	MLM307_241_1_D16	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	3	2-7	A003	TĐ	KHXXH	13/11/2024	C3	khác ca KNT	TĐ	39	NNA
230	MLM307_241_1_D17	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	3	2-7	A004	TĐ	KHXXH	13/11/2024	5	khác ca KNT	TĐ	39	NNA
231	MLM307_241_1_D18	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	6	1-6	A003	TĐ	KHXXH	13/11/2024	5		TĐ	39	TCNH
232	MLM307_241_1_D19	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	6	1-6	A003	TĐ	KHXXH	13/11/2024	5		TĐ	39	TCNH
233	MLM307_241_1_D20	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	7	12-16,18	A001	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S2		TĐ	39	TCNH
234	MLM307_241_1_D21	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	7	12-16,18	A001	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S2		TĐ	39	TCNH
235	MLM307_241_1_D22	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	6	12-17	A002	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
236	MLM307_241_1_D23	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	6	12-17	A005	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S3		TĐ	39	HTTTQL
237	MLM307_241_1_D24	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	5	12-17	A002	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S3		TĐ	39	KTQT
238	MLM307_241_1_D25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	5	12-17	A001	TĐ	KHXXH	17/02/2025	S3		TĐ	39	LKT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
239	MLM307_241_1_D26	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	4	13-17,19	A106	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S1		TĐ	39	LKT
240	MLM307_241_1_D27	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	4	13-17,19	A002	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S1		TĐ	39	TCNH
241	MLM307_241_1_D28	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	6	12-17	A006	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S1		TĐ	39	TCNH
242	MLM307_241_1_D29	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	C	3	12-17	A001	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
243	MLM307_241_1_D30	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	2	12-17	A001	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
244	MLM307_241_1_D31	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	3	12-17	A001	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S2		TĐ	39	TCNH
245	MLM307_241_1_D32	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	S	6	12-17	A003	TĐ	KHXXH	19/02/2025	S3		TĐ	39	TCNH
246	MES308_241_1_D01	Kinh tế học quản lý	3	45	C	2	2-10	A106	TĐ	KTQT	13/11/2024	1		TĐ	37	KTQT
247	INE302_241_1_D01	Kinh tế học quốc tế	3	45	C	4	1-9	A101	TĐ	KTQT	13/11/2024	4		TĐ	39	KTQT
248	INE302_241_1_D02	Kinh tế học quốc tế	3	45	S	2	2-10	A107	TĐ	KTQT	13/11/2024	4	Khac ca gtnr	TĐ	39	TCNH
249	INE302_241_1_D03	Kinh tế học quốc tế	3	45	S	5	12-20	A007	TĐ	KTQT	18/02/2025	1		TĐ	39	KTQT
250	INE302_241_1_D04	Kinh tế học quốc tế	3	45	S	2	12-20	A104	TĐ	KTQT	18/02/2025	1		TĐ	39	KTQT
251	INE302_241_1_D05	Kinh tế học quốc tế	3	45	C	5	12-20	A008	TĐ	KTQT	18/02/2025	1		TĐ	39	KTQT
252	INE302_241_1_D06	Kinh tế học quốc tế	3	45	C	2	12-20	A102	TĐ	KTQT	18/02/2025	1		TĐ	39	KTQT
253	ECE301_241_1_D01	Kinh tế lượng	3	45	S	4	1-9	A104	TĐ	KHDLTKD	13/11/2024	1		TĐ	39	QTKD
254	ECE301_241_1_D02	Kinh tế lượng	3	45	C	4	1-9	A102	TĐ	KHDLTKD	13/11/2024	1		TĐ	39	QTKD
255	ECE301_241_1_D03	Kinh tế lượng	3	45	C	2	12-20	A103	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	3		TĐ	39	QTKD
256	ECE301_241_1_D04	Kinh tế lượng	3	45	S	2	12-20	A105	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
257	ECE301_241_1_D05	Kinh tế lượng	3	45	C	3	12-20	A008	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
258	ECE301_241_1_D06	Kinh tế lượng	3	45	S	3	12-20	A008	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
259	ECE301_241_1_D07	Kinh tế lượng	3	45	C	4 7	13-17,19-20 19-20	A205	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	4	C CA KTCT	TĐ	39	KTQT
260	ECE301_241_1_D08	Kinh tế lượng	3	45	S	4 7	13-17,19-20 19-20	A004 A002	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	4		TĐ	39	KT
261	ECE301_241_1_D09	Kinh tế lượng	3	45	C	5	12-20	A103	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	4		TĐ	39	KT
262	ECE301_241_1_D10	Kinh tế lượng	3	45	S	5	12-20	A008	TĐ	KHDLTKD	17/02/2025	4		TĐ	39	KTQT
263	INE703_241_1_D01	Kinh tế vi mô 2	3	45	C	2	2-10	A107	TĐ	KTQT	12/11/2024	4		TĐ	39	KTQT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
264	INE703_241_1_D02	Kinh tế vi mô 2	3	45	C	6	12-20	A004	TĐ	KTQT	21/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
265	INE703_241_1_D03	Kinh tế vi mô 2	3	45	S	6	12-20	A101	TĐ	KTQT	21/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
266	INE703_241_1_D04	Kinh tế vi mô 2	3	45	C	4 2	13-17,19-20 12-13	A201	TĐ	KTQT	21/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
267	INE313_241_1_D01	Kinh tế vĩ mô quốc tế	3	45	S	2	2-10	A108	TĐ	KTQT	13/11/2024	2		TĐ	37	KTQT
268	LAW335_241_1_D01	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	30	C	2	2-7	A307	TĐ	LKT	12/11/2024	1		TĐ	38	LKT
269	LAW335_241_1_D02	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	30	S	2	2-7	A305	TĐ	LKT	12/11/2024	1		TĐ	38	LKT
270	LAW335_241_1_D03	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	30	C	2	12-17	A001	TĐ	LKT	17/02/2025	2		TĐ	38	LKT
271	LAW335_241_1_D04	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	30	S	2	12-17	A002	TĐ	LKT	17/02/2025	2		TĐ	38	LKT
272	ENS347_241_1_D01	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	6	1-9	A102	TĐ	NN	13/11/2024	1		TĐ	39	NNA
273	ENS347_241_1_D02	Kỹ năng thuyết trình	3	45	S	6	1-9	A103	TĐ	NN	13/11/2024	1		TĐ	39	NNA
274	ENS347_241_1_D03	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	2	2-10	A108	TĐ	NN	13/11/2024	2		TĐ	39	NNA
275	ENS347_241_1_D04	Kỹ năng thuyết trình	3	45	S	2	2-10	A201	TĐ	NN	13/11/2024	2		TĐ	39	NNA
276	ENS347_241_1_D05	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	5	1-9	A105	TĐ	NN	13/11/2024	3		TĐ	39	NNA
277	INE308_241_1_D01	Kỹ thuật ngoại thương	3	45	S	5	1-9	A106	TĐ	KTQT	16/11/2024	3		TĐ	38	KTQT
278	LOG708_241_1_D01	Kỹ thuật ra quyết định	2	30	S	2	2-7	A003	TĐ	QTKD	16/11/2024	2		TĐ	39	QTKD
279	LOG708_241_1_D02	Kỹ thuật ra quyết định	2	30	S	4	13-17,19	A102	TĐ	QTKD	21/02/2025	2		TĐ	39	QTKD
280	MAG304_241_1_D01	Lãnh đạo	3	45	C	7 4	12-16,18-20 19	A007	TĐ	QTKD	18/02/2025	4		TĐ	38	QTKD
281	ITS326_241_1_D01	Lập trình hướng đối tượng	3	60	C	3 5	2-9 1-4	C301	TĐ	HTTTQL	11/11/2024	2		TĐ	38	HTTTQL
282	DAT708_241_1_D01	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	S	5 7	1-9 7-9	C201	TĐ	KHDLTKD	14/11/2024	4		TĐ	38	TCNH
283	DAT708_241_1_D02	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	C	5 7	1-9 7-9	C305	TĐ	KHDLTKD	14/11/2024	4		TĐ	39	HTTTQL
284	DAT708_241_1_D03	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	C	4 5	1-9 7-9	C203 C205	TĐ	KHDLTKD	14/11/2024	4		TĐ	39	HTTTQL
285	DAT708_241_1_D04	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	C	7 5	12-16,18-20 12-15	C301 C305	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	3		TĐ	38	TCNH
286	DAT708_241_1_D05	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	S	7 5	12-16,18-20 12-15	C301 C201	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	3		TĐ	38	TCNH
287	DAT708_241_1_D06	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	C	2 4	12-20 13-15	C203	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	3		TĐ	38	LKT
288	DAT708_241_1_D07	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	S	2 4	12-20 13-15	C203	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	4		TĐ	38	LKT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
289	DAT708_241_1_D08	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	C	3 5	12-20 17-19	C205 C301	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	4		TĐ	38	LKT
290	DAT708_241_1_D09	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	S	3 5	12-20 17-19	C201 C301	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	4		TĐ	39	TCNH
291	DAT708_241_1_D10	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	60	S	7 5	12-16,18-20 16-19	C305	TĐ	KHDLTKD	18/02/2025	4		TĐ	38	LKT
292	ITS708_241_1_D01	Lập trình web	3	60	S	3 5	2-9 6-9	C301	TĐ	HTTTQL	12/11/2024	C3		TĐ	38	HTTTQL
293	ITS708_241_1_D02	Lập trình web	3	60	S	2 4	2-9 1-4	C205	TĐ	HTTTQL	12/11/2024	C3		TĐ	38	HTTTQL
294	ITS708_241_1_D03	Lập trình web	3	60	C	2 4	2-9 1-4	C301	TĐ	HTTTQL	12/11/2024	C3		TĐ	38	HTTTQL
295	ITS708_241_1_D04	Lập trình web	3	60	S	2 4	12-20 17,19-20	C305	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	S3		TĐ	38	HTTTQL
296	ITS708_241_1_D05	Lập trình web	3	60	C	2 4	12-20 17,19-20	C205	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	S3		TĐ	38	HTTTQL
297	MLM309_241_1_D01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	S	2	2-7	A004	TĐ	KHXXH	16/11/2024	S3		TĐ	37	CHUNG
298	MLM309_241_1_D02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	C	3	2-7	A004	TĐ	KHXXH	16/11/2024	S3		TĐ	37	CHUNG
299	MLM309_241_1_D03	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	S	4	1-6	A004	TĐ	KHXXH	16/11/2024	S3		TĐ	37	CHUNG
300	ITS723_241_1_D01	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	S	2	2-7	A005	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	S1		TĐ	39	TCNH
301	ITS723_241_1_D02	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	C	2	2-7	A002	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	S1		TĐ	39	TCNH
302	ITS723_241_1_D03	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	C	3	2-7	A005	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	S1		TĐ	39	TCNH
303	ITS723_241_1_D07	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	S	2	12-17	A003	TĐ	HTTTQL	20/02/2025	C1		TĐ	39	TCNH
304	ITS723_241_1_D08	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	C	2	12-17	A002	TĐ	HTTTQL	20/02/2025	C1		TĐ	39	TCNH
305	ITS723_241_1_D09	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	S	3	12-17	A002	TĐ	HTTTQL	20/02/2025	C1		TĐ	39	TCNH
306	INE305_1_241_1_D01	Logistics quốc tế	3	45	C	6	1-9	A101	TĐ	KTQT	13/11/2024	3		TĐ	38	KTQT
307	INE305_1_241_1_D02	Logistics quốc tế	3	45	S	6	1-9	A104	TĐ	KTQT	13/11/2024	3		TĐ	38	QTKD
308	LOG703_241_1_D01	Logistics trong giao thông và vận tải	3	45	S	7 4	12-16,18-20 19	A103	TĐ	QTKD	19/02/2025	2		TĐ	38	QTKD
309	LAW710_241_1_D01	Luật cạnh tranh	3	45	S	3	12-20	A202	TĐ	LKT	17/02/2025	1		TĐ	38	LKT
310	LAW710_241_1_D02	Luật cạnh tranh	3	45	C	3	12-20	A205	TĐ	LKT	17/02/2025	1		TĐ	38	LKT
311	LAW710_241_1_D03	Luật cạnh tranh	3	45	S	5	1-9	A107	TĐ	LKT	12/11/2024	2		TĐ	38	LKT
312	LAW710_241_1_D04	Luật cạnh tranh	3	45	C	5	1-9	A106	TĐ	LKT	12/11/2024	2		TĐ	38	LKT
313	LAW319_241_1_D01	Luật chứng khoán	3	45	S	3 7	2-9 7	A203	TĐ	LKT	13/11/2024	1		TĐ	38	LKT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
314	LAW319_241_1_D02	Luật chứng khoán	3	45	C	3 7	2-9 7	A202	TĐ	LKT	13/11/2024	1		TĐ	38	LKT
315	LAW319_241_1_D03	Luật chứng khoán	3	45	S	3	12-20	A207	TĐ	LKT	21/02/2025	1		TĐ	38	LKT
316	LAW319_241_1_D04	Luật chứng khoán	3	45	C	3	12-20	A206	TĐ	LKT	21/02/2025	1		TĐ	38	LKT
317	LAW722_241_1_D01	Luật đầu tư	3	45	C	2	2-10	A202	TĐ	LKT	13/11/2024	2		TĐ	37	LKT
318	LAW337_241_1_D01	Luật hôn nhân gia đình	2	30	S	3	2-7	A005	TĐ	LKT	11/11/2024	S3		TĐ	39	LKT
319	LAW337_241_1_D02	Luật hôn nhân gia đình	2	30	C	3	2-7	A006	TĐ	LKT	11/11/2024	S3		TĐ	39	LKT
320	LAW337_241_1_D03	Luật hôn nhân gia đình	2	30	C	3	12-17	A002	TĐ	LKT	18/02/2025	S3		TĐ	39	LKT
321	LAW337_241_1_D04	Luật hôn nhân gia đình	2	30	S	3	12-17	A003	TĐ	LKT	18/02/2025	S3		TĐ	39	LKT
322	LAW338_241_1_D01	Luật Lao động	3	45	S	5	1-9	B1.103	TĐ	LKT	16/11/2024	C3		TĐ	39	LKT
323	LAW338_241_1_D02	Luật Lao động	3	45	C	5	1-9	A107	TĐ	LKT	16/11/2024	C3		TĐ	39	LKT
324	LAW338_241_1_D03	Luật Lao động	3	45	C	5	12-20	A104	TĐ	LKT	20/02/2025	C3		TĐ	39	LKT
325	LAW338_241_1_D04	Luật Lao động	3	45	S	5	12-20	A101	TĐ	LKT	20/02/2025	C3		TĐ	39	LKT
326	LAW318_241_1_D01	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	C	5	12-20	A301	TĐ	LKT	21/02/2025	1		TĐ	38	LKT
327	LAW318_241_1_D02	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	S	3	2-10	B1.103	TĐ	LKT	13/11/2024	2		TĐ	38	LKT
328	LAW318_241_1_D03	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	C	3	2-10	B1.106	TĐ	LKT	13/11/2024	2		TĐ	38	LKT
329	LAW711_241_1_D01	Luật tài chính	3	45	S	2	12-20	A106	TĐ	LKT	19/02/2025	2		TĐ	38	LKT
330	LAW721_241_1_D01	Luật thương mại quốc tế	3	45	S	6	1-9	A106	TĐ	LKT	15/11/2024	3		TĐ	37	LKT
331	LAW321_241_1_D01	Luật tố tụng dân sự	3	45	S	6	1-9	A107	TĐ	LKT	16/11/2024	C2		TĐ	39	LKT
332	LAW321_241_1_D02	Luật tố tụng dân sự	3	45	C	6	1-9	A104	TĐ	LKT	16/11/2024	C2		TĐ	39	LKT
333	LAW321_241_1_D03	Luật tố tụng dân sự	3	45	C	6	12-20	A008	TĐ	LKT	21/02/2025	S3		TĐ	39	LKT
334	LAW321_241_1_D04	Luật tố tụng dân sự	3	45	S	6	12-20	A103	TĐ	LKT	21/02/2025	S3		TĐ	39	LKT
335	LAW339_241_1_D01	Luật tố tụng hình sự	3	45	S	2	2-10	A203	TĐ	LKT	12/11/2024	3		TĐ	39	LKT
336	LAW339_241_1_D02	Luật tố tụng hình sự	3	45	C	2	2-10	A203	TĐ	LKT	12/11/2024	3		TĐ	39	LKT
337	LAW339_241_1_D03	Luật tố tụng hình sự	3	45	C	7 3	12-16,18-20 20	A005 A003	TĐ	LKT	21/02/2025	2		TĐ	39	LKT
338	LAW339_241_1_D04	Luật tố tụng hình sự	3	45	S	7 3	12-16,18-20 20	A005	TĐ	LKT	21/02/2025	2		TĐ	39	LKT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
339	ENB322_241_1_D01	Lý thuyết dịch	2	30	S	3	2-7	A006	TĐ	NN	11/11/2024	1		TĐ	38	NNA
340	ENB322_241_1_D02	Lý thuyết dịch	2	30	C	3	2-7	A007	TĐ	NN	11/11/2024	1		TĐ	38	NNA
341	ENB322_241_1_D03	Lý thuyết dịch	2	30	S	2	2-7	A006	TĐ	NN	11/11/2024	1		TĐ	38	NNA
342	ENB322_241_1_D04	Lý thuyết dịch	2	30	C	2	2-7	A003	TĐ	NN	11/11/2024	1		TĐ	38	NNA
343	ENB322_241_1_D05	Lý thuyết dịch	2	30	S	5	1-6	A003	TĐ	NN	11/11/2024	1		TĐ	38	NNA
344	ENB322_241_1_D06	Lý thuyết dịch	2	30	C	5	1-6	A003	TĐ	NN	11/11/2024	2		TĐ	38	NNA
345	ENB322_241_1_D07	Lý thuyết dịch	2	30	S	7	2-4,6-8	A003	TĐ	NN	11/11/2024	2		TĐ	38	NNA
346	ENB322_241_1_D08	Lý thuyết dịch	2	30	C	7	2-4,6-8	A004	TĐ	NN	11/11/2024	2		TĐ	38	NNA
347	FIN301_241_1_D01	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	C	2	2-10	A204	TĐ	NH	16/11/2024	C1		TĐ	39	KT
348	FIN301_241_1_D02	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	S	6	1-9	A108	TĐ	NH	16/11/2024	C1		TĐ	39	KT
349	FIN301_241_1_D03	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	C	6	1-9	A105	TĐ	NH	16/11/2024	C1		TĐ	39	HTTTQL
350	FIN301_241_1_D04	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	S	6	12-20	A104	TĐ	NH	19/02/2025	C3		TĐ	39	HTTTQL
351	FIN301_241_1_D05	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	C	2	12-20	A105	TĐ	NH	19/02/2025	C3		TĐ	39	HTTTQL
352	AMA303_241_1_D01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	S	2	2-10	A204	TĐ	KHDLTKD	15/11/2024	3		TĐ	39	KTQT
353	AMA303_241_1_D02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	C	2	2-10	A205	TĐ	KHDLTKD	15/11/2024	3		TĐ	39	KTQT
354	AMA303_241_1_D03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	C	6	1-9	A106	TĐ	KHDLTKD	15/11/2024	3		TĐ	39	KTQT
355	AMA303_241_1_D04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	S	5	1-9	B1.104	TĐ	KHDLTKD	15/11/2024	4		TĐ	39	KTQT
356	AMA303_241_1_D05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	C	5	1-9	A108	TĐ	KHDLTKD	15/11/2024	4	HÁC CA QT	TĐ	39	KTQT
357	ITS709_241_1_D01	Mạng máy tính và truyền thông	3	60	S	2 4	2-9 6-9	C201 C301	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	S2	ác ca LTTC	TĐ	39	HTTTQL
358	ITS709_241_1_D02	Mạng máy tính và truyền thông	3	60	C	2 4	2-9 6-9	C203 C205	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	S2		TĐ	39	HTTTQL
359	ITS709_241_1_D03	Mạng máy tính và truyền thông	3	60	C	6 4	12-20 13-15	C205	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	C2		TĐ	39	HTTTQL
360	ITS709_241_1_D04	Mạng máy tính và truyền thông	3	60	S	6 4	12-20 13-15	C301	TĐ	HTTTQL	21/02/2025	C2		TĐ	39	HTTTQL
361	DIM705_241_1_D01	Marketing công cụ tìm kiếm	3	45	C	5	1-9	A305	TĐ	QTKD	15/11/2024	3		TĐ	38	QTKD
362	MKE304_241_1_D01	Marketing dịch vụ tài chính	3	45	C	4	1-9	A103	TĐ	NH	13/11/2024	S3		TĐ	38	TCNH
363	MKE304_241_1_D02	Marketing dịch vụ tài chính	3	45	S	4	1-9	A105	TĐ	NH	13/11/2024	S3		TĐ	38	TCNH

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
364	MKE304_241_1_D03	Marketing dịch vụ tài chính	3	45	C	3 7	2-9 7	A203	TĐ	NH	16/11/2024	C3		TĐ	39	TCNH
365	MKE304_241_1_D04	Marketing dịch vụ tài chính	3	45	C	2	12-20	A106	TĐ	NH	17/02/2025	C1		TĐ	38	TCNH
366	ITB302_241_1_D01	Marketing điện tử	3	45	S	6	1-9	A201	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	3		TĐ	38	HTTTQL
367	ITB302_241_1_D02	Marketing điện tử	3	45	C	6	1-9	A107	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	3		TĐ	38	HTTTQL
368	ITB302_241_1_D03	Marketing điện tử	3	45	S	2	2-10	A205	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	4		TĐ	38	HTTTQL
369	DIM706_241_1_D01	Marketing số	3	45	S	5	12-20	A102	TĐ	QTKD	20/02/2025	S1		TĐ	39	QTKD
370	INB703_241_1_D01	Marketing toàn cầu	3	45	C	4	1-9	A104	TĐ	KTQT	16/11/2024	3		TĐ	38	KTQT
371	INB703_241_1_D02	Marketing toàn cầu	3	45	S	4	1-9	A106	TĐ	KTQT	16/11/2024	3		TĐ	38	KTQT
372	INB703_241_1_D03	Marketing toàn cầu	3	45	C	2	2-10	A206	TĐ	KTQT	16/11/2024	4		TĐ	38	KTQT
373	INB703_241_1_D04	Marketing toàn cầu	3	45	C	3	2-10	A104	TĐ	KTQT	16/11/2024	4		TĐ	37	KTQT
374	INB703_241_1_D05	Marketing toàn cầu	3	45	S	5	12-20	A103	TĐ	KTQT	18/02/2025	2		TĐ	38	KTQT
375	FIN703_241_1_D01	Mô hình tài chính	3	45	C	5	12-20	A105	TĐ	TC	21/02/2025	1		TĐ	38	TCNH
376	FIN703_241_1_D02	Mô hình tài chính	3	45	S	5	12-20	A104	TĐ	TC	21/02/2025	1		TĐ	38	TCNH
377	BAF703_241_1_D01	Mô hình xếp hạng rủi ro tín dụng trong công nghệ tài chính	3	45	S	3 7	2-9 7	A204	TĐ	NH	12/11/2024	2		TĐ	38	TCNH
378	ELI303_241_1_D01	Ngữ âm – Âm vị học	2	30	S	6	1-6	A004	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	38	NNA
379	ELI303_241_1_D02	Ngữ âm – Âm vị học	2	30	C	6	1-6	A004	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	38	NNA
380	ELI305_241_1_D01	Ngữ nghĩa học	2	30	S	3	12-17	A004	TĐ	NN	18/02/2025	1		TĐ	38	NNA
381	ELI305_241_1_D02	Ngữ nghĩa học	2	30	C	3	12-17	A003	TĐ	NN	18/02/2025	1		TĐ	38	NNA
382	ELI305_241_1_D03	Ngữ nghĩa học	2	30	S	2	12-17	A004	TĐ	NN	18/02/2025	1		TĐ	38	NNA
383	ELI305_241_1_D04	Ngữ nghĩa học	2	30	C	2	12-17	A003	TĐ	NN	18/02/2025	2		TĐ	38	NNA
384	ELI305_241_1_D05	Ngữ nghĩa học	2	30	S	7	12-16,18	A003	TĐ	NN	18/02/2025	2		TĐ	38	NNA
385	ELI305_241_1_D06	Ngữ nghĩa học	2	30	C	7	12-16,18	A003	TĐ	NN	18/02/2025	2		TĐ	38	NNA
386	ELI301_241_1_D01	Ngữ pháp	3	45	S	3	12-20	A101	TĐ	NN	20/02/2025	1		TĐ	38	NNA
387	ELI301_241_1_D02	Ngữ pháp	3	45	C	3	12-20	A101	TĐ	NN	20/02/2025	1		TĐ	38	NNA
388	ACC301_241_1_D01	Nguyên lý kế toán	3	45	C	2	2-10	A207	TĐ	KTKT	16/11/2024	1		TĐ	39	HTTTQL

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
389	ACC301_241_1_D02	Nguyên lý kế toán	3	45	S	2	2-10	A206	TĐ	KTKT	16/11/2024	1		TĐ	39	HTTTQL
390	ACC301_241_1_D03	Nguyên lý kế toán	3	45	C	3 7	2-9 9	A304	TĐ	KTKT	16/11/2024	1		TĐ	39	KTQT
391	ACC301_241_1_D04	Nguyên lý kế toán	3	45	S	3 7	2-9 9	A208	TĐ	KTKT	16/11/2024	2		TĐ	39	KTQT
392	ACC301_241_1_D05	Nguyên lý kế toán	3	45	C	4	1-9	A105	TĐ	KTKT	16/11/2024	2		TĐ	39	KTQT
393	ACC301_241_1_D06	Nguyên lý kế toán	3	45	S	4	1-9	A107	TĐ	KTKT	16/11/2024	2		TĐ	39	HTTTQL
394	ACC301_241_1_D07	Nguyên lý kế toán	3	45	C	6	1-9	A108	TĐ	KTKT	16/11/2024	2		TĐ	39	HTTTQL
395	ACC301_241_1_D08	Nguyên lý kế toán	3	45	S	6	1-9	A202	TĐ	KTKT	16/11/2024	2		TĐ	39	KTQT
396	ACC301_241_1_D10	Nguyên lý kế toán	3	45	S	3	12-20	A102	TĐ	KTKT	19/02/2025	3		TĐ	39	KTQT
397	ACC301_241_1_D11	Nguyên lý kế toán	3	45	C	3	12-20	A102	TĐ	KTKT	19/02/2025	3	KHAC CA K	TĐ	39	HTTTQL
398	ACC301_241_1_D12	Nguyên lý kế toán	3	45	C	5	12-20	A106	TĐ	KTKT	19/02/2025	3	KHAC CA K	TĐ	39	HTTTQL
399	MKE308_241_1_D01	Nguyên lý Marketing	3	45	S	6	1-9	A203	TĐ	QTKD	14/11/2024	S1		TĐ	38	LKT
400	MKE308_241_1_D02	Nguyên lý Marketing	3	45	C	4	1-9	A106	TĐ	QTKD	14/11/2024	S1		TĐ	38	LKT
401	MKE308_241_1_D03	Nguyên lý Marketing	3	45	S	4	1-9	A108	TĐ	QTKD	14/11/2024	S1		TĐ	38	LKT
402	ITS329_241_1_D01	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	30	S	3	2-7	A007	TĐ	HTTTQL	15/11/2024	1		TĐ	39	HTTTQL
403	ITS329_241_1_D02	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	30	C	3	2-7	A008	TĐ	HTTTQL	15/11/2024	1		TĐ	39	HTTTQL
404	ITS329_241_1_D03	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	30	S	5	1-6	A004	TĐ	HTTTQL	15/11/2024	2		TĐ	39	HTTTQL
405	ITS329_241_1_D04	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	30	C	5	1-6	A004	TĐ	HTTTQL	15/11/2024	2		TĐ	39	HTTTQL
406	DAT718_241_1_D01	Nhập ngành Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	2	30	S	7	2-4,6-8	A004	TĐ	KHDLTKD	16/11/2024	4		TĐ	39	HTTTQL
407	DAT718_241_1_D02	Nhập ngành Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	2	30	C	7	2-4,6-8	A005	TĐ	KHDLTKD	16/11/2024	4		TĐ	39	HTTTQL
408	DAT709_241_1_D01	Phân tích dữ liệu cho tài chính	3	45	S	5	12-20	A105	TĐ	KHDLTKD	20/02/2025	4		TĐ	37	HTTTQL
409	DAT710_241_1_D01	Phân tích dữ liệu kế toán với Python	3	45	C	4 7	13-17,19-20 19-20	A206	TĐ	KTKT	21/02/2025	S1		TĐ	39	KT
410	DAT710_241_1_D02	Phân tích dữ liệu kế toán với Python	3	45	S	4 7	13-17,19-20 19-20	A101	TĐ	KTKT	21/02/2025	S1		TĐ	39	KT
411	INB704_241_1_D01	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	C	5	12-20	A101	TĐ	KTQT	21/02/2025	4		TĐ	38	KTQT
412	INB704_241_1_D02	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	S	5	12-20	A106	TĐ	KTQT	21/02/2025	4		TĐ	38	KTQT
413	INB704_241_1_D03	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	C	7 3	12-16,18-20 14	A101 A204	TĐ	KTQT	21/02/2025	4		TĐ	38	KTQT

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH
414	INB704_241_1_D04	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	45	S	7 4	12-16,18-20 19	A104	TĐ	KTQT	21/02/2025	4		TĐ	38	KTQT
415	ITS710_241_1_D01	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	60	S	2 4	2-9 6-9	C203 C205	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	3		TĐ	39	TCNH
416	ITS710_241_1_D02	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	60	C	2 4	2-9 6-9	C305 C301	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	3		TĐ	39	TCNH
417	ITS710_241_1_D03	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	60	C	3 5	2-9 6-9	C305 C301	TĐ	HTTTQL	16/11/2024	3	hac ca logic u	TĐ	39	TCNH
418	ITS710_241_1_D04	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	60	C	3 5	12-20 17-19	C201	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	2		TĐ	39	TCNH
419	ITS711_241_1_D01	Phân tích kinh doanh	3	45	S	6	1-9	A204	TĐ	HTTTQL	14/11/2024	S2		TĐ	38	HTTTQL
420	ITS711_241_1_D02	Phân tích kinh doanh	3	45	C	6	1-9	A201	TĐ	HTTTQL	14/11/2024	S2		TĐ	38	HTTTQL
421	ITS711_241_1_D03	Phân tích kinh doanh	3	45	S	6	12-20	A105	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	C1		TĐ	38	HTTTQL
422	ITS711_241_1_D04	Phân tích kinh doanh	3	45	C	6	12-20	A101	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	C1		TĐ	38	HTTTQL
423	ITS711_241_1_D05	Phân tích kinh doanh	3	45	S	2	12-20	A107	TĐ	HTTTQL	19/02/2025	C1		TĐ	38	HTTTQL
424	FIN707_241_1_D01	Phân tích kỹ thuật trên thị trường tài chính	3	45	S	4	1-9	A201	TĐ	TC	13/11/2024	3		TĐ	37	TCNH
425	FIN304_241_1_D01	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	S	3 7	2-9 9	A301	TĐ	TC	13/11/2024	3		TĐ	38	TCNH
426	FIN304_241_1_D02	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	C	3 7	2-9 9	A305	TĐ	TC	13/11/2024	3		TĐ	38	TCNH
427	ITS339_241_1_D01	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	60	C	3 5	12-20 12-14	C305 C201	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
428	ITS339_241_1_D02	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	60	S	3 5	12-20 12-14	C305	TĐ	HTTTQL	18/02/2025	S2		TĐ	39	HTTTQL
429	LAW349_241_1_D19	Pháp luật đại cương	2	30	C	2	12-17	A004	TĐ	LKT	21/02/2025	2		TĐ	38	NNA
430	LAW342_241_1_D01	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	45	C	3	2-10	A105	TĐ	LKT	14/11/2024	S2	khac ca TAP	TĐ	37	LKT
431	LOG704_241_1_D01	Phát triển bền vững chuỗi cung ứng	3	45	C	5	1-9	A202	TĐ	QTKD	14/11/2024	4		TĐ	38	QTKD
432	ITS729_241_1_D01	Phát triển ứng dụng di động	3	60	S C	6 7	1-9 7-9	C301	TĐ	HTTTQL	13/11/2024	4		TĐ	37	HTTTQL
433	ENB305_241_1_D01	Phiên dịch thương mại	3	45	S	3	2-10	A104	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	37	NNA
434	ENB305_241_1_D02	Phiên dịch thương mại	3	45	C	2	2-10	A208	TĐ	NN	14/11/2024	1		TĐ	37	NNA
435	ENB305_241_1_D03	Phiên dịch thương mại	3	45	S	5	1-9	B1.101	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	37	NNA
436	ENB305_241_1_D04	Phiên dịch thương mại	3	45	C	6	1-9	A202	TĐ	NN	14/11/2024	2		TĐ	37	NNA
437	INE704_241_1_D01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	C	6	12-20	A104	TĐ	KTQT	20/02/2025	4		TĐ	39	TCNH
438	INE704_241_1_D02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	S	6	12-20	A108	TĐ	KTQT	20/02/2025	4		TĐ	39	TCNH